

Số: 07/2017/QĐST-KDTM

Ninh Bình, ngày 15 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 4 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 30/2017/TLST- KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: Số xx, LH, phường TC, quận BD, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến C - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A - Chi nhánh thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Người đại diện theo ủy quyền lại: bà Nguyễn Thị M - Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách tín dụng Ngân hàng A - Chi nhánh thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình (theo văn bản ủy quyền số 02/2017/NHNoTPNB- TD ngày 17/5/2017)

Bị đơn: Bà Trần Thị Phương M, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số nhà xxx, đường THĐ, phường PT, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ninh Công T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số nhà xxxx, đường THĐ, phường PT, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Theo hợp đồng tín dụng số: 3302-LAV- 201400168/HĐTD ngày 26/2/2014, tính đến ngày 7/8/2017 bà Trần Thị Phương M còn nợ Nông nghiệp A – Chi nhánh thành phố Ninh Bình tổng số tiền là: 5.489.166.664^d (Năm tỷ, bốn trăm tám mươi chín triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi tư đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 4.000.000.000^d (Bốn tỷ đồng)
- Nợ lãi trong hạn là: 1.090.555.554^d (Một tỷ không trăm chín mươi triệu năm trăm năm mươi năm nghìn, năm trăm năm mươi tư đồng).
- Nợ lãi quá hạn là: 398.611.110^d (Ba trăm chín mươi tám triệu sáu trăm mười một nghìn một trăm mười đồng).

Bà Trần Thị Phương M, phải trả các khoản nợ nêu trên với tổng số tiền là 5.489.166.664^d (Năm tỷ, bốn trăm tám mươi chín triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bốn đồng). Thời điểm trả nợ cụ thể như sau:

- Ngày 7/8/2017 đến ngày 15/11/2017 bà M phải trả 1.400.000.000^d (Một tỷ bốn trăm triệu đồng).
- Ngày 16/11/2017 đến ngày 15/02/2018 bà M phải trả 1.400.000.000^d (Một tỷ bốn trăm triệu đồng).
- Ngày 16/02/2018 đến ngày 15/05/2018 bà M phải trả 1.400.000.000^d (Một tỷ bốn trăm triệu đồng).
- Ngày 16/05/2018 đến ngày 7/8/2018 bà M phải trả 1.289.166. 664^d (Một tỷ hai trăm tám mươi chín triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi tư đồng).

Bà Trần Thị Phương M còn phải trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh thành phố Ninh Bình tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức 150% của lãi xuất trong hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 3302-LAV- 201400168/HĐTD ngày 26/2/2014 (có điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng A – Chi nhánh Ninh Bình theo từng thời kỳ), thời điểm tính lãi quá hạn kể từ ngày 8/8/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc.

2.2. Trường hợp đến hạn trả nợ mà bà Trần Thị Phương M không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ theo như thỏa thuận thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý phát mại toàn bộ tài sản mà bà M và ông Ninh Công T đã thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng A – Chi nhánh thành phố Ninh Bình. Tài

sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã ký kết số 01 ngày 26/2/1014, cụ thể các tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất: Diện tích đất 65,8m², tại thửa số 126 và thửa số 128 thuộc tờ bản đồ số 10, tại số nhà xxxx, đường THĐ, phường PT, thành phố N B, tỉnh Ninh Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL486009 do UBND thành phố Ninh Bình cấp ngày 20/03/2008 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG359592 do UBND thành phố Ninh Bình cấp ngày 25/4/2007 mang tên ông Ninh Công T và bà Trần Thị Phương M.

- Toàn bộ tài sản xây dựng gắn liền với đất: nhà cấp 3; tổng diện tích sử dụng 190m²; kết cấu bê tông cốt thép; Số tầng: 3 tầng.

- Việc xử lý tài sản thế chấp (quyền và nghĩa vụ của các bên) được thực hiện theo thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 01 ngày 26/2/2016 và theo quy định của pháp luật.

2.3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Phương M phải nộp số tiền: $\{(5.489.166.664^d - 4.000.000.000^d) \times 0,1\% + 112.000.000^d\} / 2 = 56.744.583^d$.

- Ngân hàng A – Chi nhánh thành phố Ninh Bình không phải nộp, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 56.676.200^d (Năm mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm đồng) tại Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố Ninh Bình theo biên lai số AA/2016/ 0000518, ngày 09 tháng 6 năm 2017.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Ninh Bình;
- THADS thành phố Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký, đóng dấu)

Phạm Thị Tuyết

